

SỬ DỤNG HỢP LÝ SỐ LIỆU TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH KHI PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

TS. Phạm Thị Thủy

Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: thuypt@neu.edu.vn

Số liệu trên báo cáo tài chính do các doanh nghiệp cung cấp không phải luôn luôn là cơ sở hợp lý cho việc phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp do sự tồn tại của các ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên, sai sót của bản thân doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính và thay đổi trong chế độ kế toán – tài chính. Để có được cơ sở dữ liệu hợp lý cho phân tích, nhà phân tích cần thực hiện điều chỉnh số liệu trên các báo cáo tài chính trước khi tính toán các chỉ số tài chính. Bài viết này bao gồm hai nội dung cơ bản: (1) các trường hợp dẫn đến sự không hợp lý của số liệu trên báo cáo tài chính và (2) sử dụng các số liệu này như thế nào khi phân tích báo cáo tài chính.

Từ khóa: báo cáo tài chính, phân tích số liệu, tài chính doanh nghiệp

1. Giới thiệu

Phân tích báo cáo tài chính là việc xem xét mối liên hệ giữa các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính nhằm đánh giá toàn diện về tình trạng tài chính, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp sau mỗi kì kinh doanh, từ đó có những dự báo về tình hình tài chính của doanh nghiệp trong tương lai. Phân tích báo cáo tài chính được thực hiện bởi nhiều đối tượng khác nhau, cả bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Xét trên góc độ bên trong doanh nghiệp, các chuyên viên tài chính– kế toán tiến hành phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp mình để báo cáo cho các nhà quản trị về tình trạng tài chính của doanh nghiệp, phát hiện các vấn đề tiềm ẩn, từ đó đề xuất các biện pháp tháo gỡ. Xét trên góc độ bên ngoài doanh nghiệp, các chuyên viên tín dụng của các ngân hàng thương mại tiến hành phân tích báo cáo tài chính của các doanh nghiệp khách hàng nhằm đánh giá về khả năng thanh toán, hiệu quả sử dụng vốn vay để quyết định cho vay hoặc không cho vay kèm theo các điều khoản cụ thể của hợp đồng tín dụng. Các nhà đầu tư có thể trực tiếp tiến hành phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp quan tâm nhằm đánh giá về tình trạng tài chính, hiệu quả hoạt động từ đó dự báo về triển vọng của doanh nghiệp trước khi có các quyết định đầu tư, không đầu tư hoặc rút vốn đầu tư vào doanh nghiệp đó. Các chuyên gia tư vấn tài chính thuộc các công ty chứng khoán tiến hành phân tích báo cáo tài chính của các công ty cổ phần niêm yết, từ đó công bố các báo cáo phân tích của mình dưới góc độ là một kênh thông

tin hỗ trợ đắc lực cho các nhà đầu tư trong các quyết định mua– bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán.

Quá trình phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp được tiến hành qua ba bước: (1) thu thập và xử lý tài liệu; (2) tính toán, phân tích và dự đoán; (3) tổng hợp kết quả và rút ra kết luận. Chất lượng của phân tích phụ thuộc vào chất lượng của cơ sở dữ liệu phân tích nên ở bước thứ nhất, tài liệu thu thập cần đảm bảo tính tin cậy và phù hợp với mục tiêu phân tích. Các tài liệu phân tích thường bao gồm bộ báo cáo tài chính (bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính), báo cáo kiểm toán, báo cáo của ban giám đốc và các tài liệu khác trong báo cáo thường niên của doanh nghiệp (nếu có) hoặc các thông tin liên quan đến ngành kinh doanh, các sự kiện quan trọng của doanh nghiệp công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đối với nội bộ doanh nghiệp, các nhà phân tích (chuyên viên tài chính– kế toán) còn có thể sử dụng số liệu trên các sổ chi tiết, các báo cáo trong hệ thống kế toán của đơn vị mình để phục vụ cho quá trình phân tích. Sau khi thu thập tài liệu, nhà phân tích cần xử lý tài liệu trước khi tiến hành bước thứ hai– tính toán, phân tích và dự đoán. Xử lý tài liệu là việc đánh giá mức độ hợp lý, tin cậy của tài liệu, thực hiện các điều chỉnh cần thiết, nhằm có được một cơ sở dữ liệu khách quan và đầy đủ để tính toán, so sánh, giải thích và đánh giá phục vụ cho việc ra quyết định. Trong thực tế, công việc này thường bị các nhà phân

tích bỏ qua, và do đó ảnh hưởng tới chất lượng phân tích báo cáo tài chính. Thói quen của các nhà phân tích là chỉ sử dụng trực tiếp số liệu trên báo cáo tài chính do doanh nghiệp cung cấp để tính toán các chỉ số tài chính trong khi các số liệu đó có thể là không hợp lý cho mục tiêu phân tích.

2. Các trường hợp dẫn đến sự không hợp lý của số liệu trên báo cáo tài chính

Có nhiều nguyên nhân dẫn tới sự không hợp lý của số liệu trên báo cáo tài chính cho mục tiêu phân tích, bài viết này tập trung vào ba nguyên nhân cơ bản, đó là (1) các ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên, (2) sai sót của bản thân doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính và (3) thay đổi trong chế độ kế toán – tài chính. Mặc dù các vấn đề này thường ít ảnh hưởng tới thông tin trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ, nhưng có ảnh hưởng đáng kể tới thông tin trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh, từ đó làm sai lệch các chỉ tiêu phản ánh cấu trúc tài chính, khả năng thanh toán cũng như hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

2.1. Các ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên

Ý kiến ngoại trừ là một trong các loại kết luận kiểm toán mà kiểm toán viên có thể đưa ra khi tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính doanh nghiệp. Mong muốn của các nhà phân tích báo cáo tài chính là có được ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên, tức là công nhận số liệu trên báo cáo tài chính doanh nghiệp công bố là trung thực, khách quan, tuân thủ theo chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý liên quan. Tuy nhiên, trong trường hợp không đồng tình với số liệu báo cáo của một vài khoản mục trên báo cáo tài chính hoặc không có đủ cơ sở để đưa ra ý kiến, kiểm toán viên sẽ đưa ra ý kiến ngoại trừ với các khoản mục đó. Thực tế, có không ít báo cáo tài chính của các công ty cổ phần đại chúng kiểm toán viên đã phải đưa ra ý kiến ngoại trừ. Các ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên thường xoay quanh các vấn đề như trích lập dự phòng, giá trị của một số các khoản mục tài sản như hàng tồn kho, tài sản cố định vô hình hoặc các khoản nợ phải trả.

Ví dụ như trường hợp báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Kinh Đô năm 2010, kiểm toán viên (công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam) đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về khoản mục TSCĐ vô hình trị giá 50 tỉ đồng thể hiện giá trị thương hiệu Kinh Đô do công ty TNHH Xây dựng và Chế biến thực phẩm Kinh Đô góp vốn vào công ty từ ngày 6/9/2002 là không đúng theo chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 04 “Tài sản cố định vô hình” cũng như các

qui định tài chính hiện hành [2]. Theo VAS 04, thương hiệu được tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp thì không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình vì (1) loại thương hiệu này không phải là nguồn lực có thể xác định được, (2) loại thương hiệu này không được đánh giá một cách đáng tin cậy và (3) doanh nghiệp không thể kiểm soát được loại thương hiệu này. Việc ghi nhận giá trị thương hiệu của Công ty cổ phần Kinh Đô đã làm cho giá trị tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty được phản ánh cao hơn thực tế và lợi nhuận báo cáo hàng năm của công ty thấp hơn thực tế do việc trích khấu hao giá trị thương hiệu vào chi phí kinh doanh. Rõ ràng là, nếu sử dụng trực tiếp số liệu trên báo cáo tài chính của Kinh Đô trong trường hợp này để tính toán các chỉ số tài chính sẽ dẫn đến các nhận định không đúng về tình hình tài chính của công ty.

Ngoài ra, có nhiều doanh nghiệp chưa thực sự phản ánh đúng bản chất và phân biệt rõ ràng các khoản nợ phải trả, đặc biệt là dự phòng nợ phải trả và các khoản nợ tiềm tàng khi lập các báo cáo tài chính. Các vấn đề này được qui định trong VAS 01 “Chuẩn mực chung” và VAS 18 “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng”. VAS 01 định nghĩa nợ phải trả “là nghĩa vụ hiện tại của doanh nghiệp phát sinh từ các giao dịch và sự kiện đã qua mà doanh nghiệp phải thanh toán từ các nguồn lực của mình”. Nợ phải trả của một doanh nghiệp bao gồm các khoản nợ phải trả thông thường, dự phòng nợ phải trả và nợ tiềm tàng. Các khoản nợ phải trả thông thường được phản ánh trên bảng cân đối kế toán là các khoản nợ được xác định chắc chắn về thời gian và giá trị, như mua hàng hóa chưa trả tiền cho người bán, vay ngân hàng hay phải trả công nhân viên. Ngoài các khoản nợ phải trả thông thường này, VAS 18 qui định các doanh nghiệp cần ghi nhận các khoản dự phòng nợ phải trả (trên bảng cân đối kế toán) và nợ tiềm tàng (trên thuyết minh báo cáo tài chính). Dự phòng nợ phải trả là khoản nợ phải trả chưa có sự chắc chắn về giá trị và thời gian, nhưng đã có những ước tính đáng tin cậy, còn nợ tiềm tàng là khoản nợ phải trả chưa có sự chắc chắn về thời gian, giá trị và không có ước tính tin cậy. Trong thực tế, các doanh nghiệp thường chỉ dừng lại ở việc phản ánh các khoản nợ thông thường, mà chưa phản ánh các khoản dự phòng nợ phải trả cũng như nợ tiềm tàng, điều này đã làm cho các doanh nghiệp thể hiện mức độ rủi ro tài chính thấp hơn mức thực tế và kết quả hoạt động kinh doanh cao hơn mức thực tế. Ví dụ, kiểm toán viên Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA) đã đưa ra ý kiến ngoại trừ cho

trường hợp Công ty cổ phần Chế biến gỗ Thuận An, trong báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011 đã không trích lập dự phòng nợ phải trả cho lô hàng xuất khẩu cho Tập đoàn IKEA – Thụy Điển đã bị khách hàng yêu cầu trả lại do không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; chi phí phát sinh liên quan tới lô hàng bị trả lại ước tính khoảng 29.000 USD, tương đương 600 triệu đồng[1]. Trong trường hợp này, nếu sử dụng số liệu trực tiếp trên báo cáo tài chính của công ty cổ phần chế biến gỗ Thuận An để tính toán các chỉ tiêu tài chính cũng sẽ dẫn tới các kết luận về tình hình tài chính của công ty tốt hơn so với thực trạng tài chính của công ty.

2.2. Sai sót của bản thân doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính

Mặc dù có ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên, nhưng số liệu trên báo cáo tài chính của một số doanh nghiệp có thể vẫn không đảm bảo tính hợp lý cho mục tiêu phân tích. Thực tế cho thấy chất lượng kiểm toán hiện nay ở Việt Nam không đồng đều giữa các hãng kiểm toán. Chính vì vậy, trong tổng số 168 công ty kiểm toán độc lập hiện nay, chỉ có 32 công ty được Ủy ban chứng khoán nhà nước cho phép kiểm toán báo cáo tài chính cho các công ty cổ phần niêm yết [7]. Do đó, khi phân tích báo cáo tài chính của các doanh nghiệp, mặc dù có ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên, nhà phân tích vẫn cần đánh giá tính hợp lý của số liệu trên báo cáo tài chính, phát hiện và điều chỉnh những sai sót của doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính. Ví dụ, có các doanh nghiệp “quên” không khi nhận các khoản dự phòng nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán cũng như công bố các khoản nợ tiềm tàng trên thuyết minh báo cáo tài chính nhưng các kiểm toán viên cũng không có ý kiến gì về vấn đề này, như trường hợp của Công ty cổ phần Đường Quảng Ngãi với sự kiện thải chất thải độc hại ra sông Trà Khúc tháng 4 năm 2010, Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Quảng Ngãi đã xác định mức đền bù thiệt hại cho nông dân là 4 tỉ đồng, nhưng cho tới nay Công ty cổ phần Đường Quảng Ngãi vẫn chưa nhất trí với mức đền bù này và chưa đền bù cho nông dân[6]. Theo VAS 01 và VAS 18, Công ty cổ phần Đường Quảng Ngãi đã thực sự phát sinh nghĩa vụ nợ phải trả về việc đền bù thiệt hại cho nông dân từ sự kiện này và khoản nợ này đã được lượng hóa một cách đáng tin cậy căn cứ từ mức tính toán của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Quảng Ngãi nhưng khoản nợ phải trả này đã không được trình bày trong bất kỳ báo cáo tài chính nào (kể cả thuyết minh báo cáo tài chính) của công ty trong cả hai năm 2010 và

2011. Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đường Quảng Ngãi vẫn được kiểm toán viên đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần[4],[5].

2.3. Thay đổi trong chế độ kế toán – tài chính

Khi phân tích báo cáo tài chính, nhà phân tích thường tiến hành so sánh các chỉ số tài chính giữa các kì, rút ra xu hướng biến động của chúng để đánh giá về những tiến triển trong tình hình tài chính của doanh nghiệp. Tuy nhiên, chế độ kế toán – tài chính có thể có những thay đổi làm cho các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính giữa các thời kỳ không được trình bày một cách nhất quán, và do đó nếu sử dụng trực tiếp các số liệu này để tính toán các chỉ tiêu tài chính sẽ dẫn tới việc so sánh khập khiễng giữa các kì, dẫn tới các kết luận không đúng về tình hình tài chính của đơn vị. Ví dụ, Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 qui định quỹ khen thưởng phúc lợi (trước đây hạch toán trên tài khoản 413 – một thành phần của vốn chủ sở hữu) chuyển sang hạch toán trên tài khoản 353 – một thành phần của nợ phải trả. Điều này dẫn tới thông tin trình bày về nợ phải trả và vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của các doanh nghiệp không nhất quán giữa năm 2010 và các năm trước đó, do đó nếu sử dụng trực tiếp các số liệu này để tính toán các chỉ số tài chính về cơ cấu nguồn vốn, hiệu quả sử dụng nguồn vốn không tương đương giữa các năm nên sẽ đánh giá không đúng về xu hướng biến động trong tình hình tài chính của doanh nghiệp.

3. Xử lý các số liệu không hợp lý trên báo cáo tài chính

Để có được cơ sở dữ liệu hợp lý cho phân tích, nhà phân tích cần thực hiện điều chỉnh số liệu trên các báo cáo tài chính trước khi tính toán các chỉ số tài chính căn cứ từ ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên, các thay đổi trong chế độ kế toán – tài chính và các thông tin tự thu thập. Việc điều chỉnh cần được thực hiện cho từng trường hợp cụ thể, tiến hành trên tất cả các khoản mục liên quan và điều chỉnh hồi tố cho các kì trước để đảm bảo nguồn số liệu so sánh nhất quán giữa các kì. Do các trường hợp cần điều chỉnh đa dạng với các cách thức điều chỉnh khác nhau, tác giả xin minh họa cụ thể việc điều chỉnh cho một số trường hợp sau:

Trường hợp báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Kinh Đô, ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên cho biết, công ty đã tiến hành trích khấu hao thương hiệu Kinh Đô 2,5 tỉ đồng/năm và do đó đã trích khấu hao lũy kế (nên giảm lợi nhuận chưa phân phối) 20,4 tỉ đồng, đã làm tăng giá trị tài sản 26,9 tỉ đồng và tăng vốn chủ sở hữu 50 tỉ đồng[2]. Căn cứ vào

nguồn thông tin này, nhà phân tích cần điều chỉnh giảm giá trị tài sản, tăng nợ phải trả, giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán và giảm chi phí, tăng lợi nhuận trên báo cáo kết quả kinh doanh. Các điều chỉnh trên các báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Kinh Đô cụ thể như sau:

- Điều chỉnh Báo cáo kết quả kinh doanh hàng năm: Nhà phân tích cần điều chỉnh giảm chi phí quản lý doanh nghiệp, kéo theo điều chỉnh tăng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 2,5 tỉ đồng (mức trích khấu hao thương hiệu Kinh Đô hàng năm của công ty).

- Điều chỉnh Bảng cân đối kế toán: Nhà phân tích cần điều chỉnh giảm giá trị tổng tài sản, giá trị tổng vốn chủ sở hữu ngày 31/12/2010 là 29,6 tỉ đồng, trong đó tăng lợi nhuận chưa phân phối 20,4 tỉ đồng và giảm vốn cổ phần 50 tỉ đồng; đồng thời điều chỉnh giảm giá trị tổng tài sản, giá trị vốn chủ sở hữu ngày 31/12/2009 là 32,1 tỉ đồng (do điều chỉnh hồi tố 29,6 tỉ đồng giá trị còn lại của thương hiệu cuối năm 2010 và 2,5 tỉ đồng trích khấu hao trong năm 2009), trong đó tăng lợi nhuận chưa phân phối 17,9 tỉ đồng (20,4 tỉ đồng - 2,5 tỉ đồng) và giảm vốn cổ phần 50 tỉ đồng. Nhà phân tích có thể tiến hành các điều chỉnh tương tự cho năm 2008 và các năm trước đó để có thể có được số liệu nhất quán khi phân tích.

Trường hợp Công ty cổ phần chế biến gỗ Thuận An, căn cứ vào ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên nhà phân tích cần ghi nhận thêm khoản dự phòng nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán ngày 30/6/2011 là

600 triệu đồng, tương ứng điều chỉnh tăng chi phí quản lý doanh nghiệp, giảm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh sáu tháng đầu năm 2011 là 600 triệu đồng, và do đó ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán ngày 30/6/2011 là 600 triệu đồng.

Trường hợp công ty cổ phần Đường Quảng Ngãi, mặc dù không có ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên, nhưng trên cơ sở thông tin thu thập được từ báo chí, nhà phân tích cũng cần ghi nhận khoản dự phòng nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2010 là 4 tỉ đồng, tương ứng điều chỉnh tăng chi phí khác, giảm lợi nhuận khác, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh năm 2010 là 4 tỉ đồng, và do đó ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2010 là 4 tỉ đồng.

4. Kết luận

Để báo cáo tài chính thực sự là nguồn thông tin hữu ích trong việc phân tích tình hình tài chính doanh nghiệp, là cơ sở cho các quyết định kinh doanh hợp lý cho các đối tượng sử dụng, số liệu trên báo cáo tài chính cần được thẩm định về tính hợp lý và mức độ tin cậy, từ đó có những điều chỉnh cần thiết trước khi tiến hành các công việc phân tích cụ thể. Bài viết này đã đề xuất một số ý kiến nhằm giúp các nhà phân tích có thể sử dụng hợp lý thông tin trên báo cáo tài chính trong quá trình phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp. □

Tài liệu tham khảo:

1. Báo cáo tài chính công ty cổ phần chế biến gỗ Thuận An 6 tháng đầu năm 2011, <http://images1.cafef.vn/Images/Uploaded/DuLieuDownload/2011/GTA_11Q2_BÁO CÁO TÀI CHÍNH_SX.pdf>.
2. Báo cáo tài chính Công ty cổ phần Kinh Đô năm 2010, <http://images1.cafef.vn/Images/Uploaded/DuLieuDownload/2010/KDC_10CN_BÁO CÁO TÀI CHÍNH_MKT.pdf>.
3. Báo cáo tài chính công ty cổ phần Viglacera Đông Anh năm 2010, <http://images1.cafef.vn/Images/Uploaded/DuLieuDownload/2010/DAC_10CN_BÁO CÁO TÀI CHÍNH_KT.pdf>.
4. Báo cáo tài chính công ty cổ phần Đường Quảng Ngãi năm 2010, <http://www.ssc.gov.vn/portal/page/portal/ubck/1227390/1227931?m_action=4&p_id=12590&p_ac=3&p_newsId=40630>.
5. Báo cáo tài chính công ty cổ phần Đường Quảng Ngãi năm 2011, <<http://qns.com.vn/language/vi-VN/C%E1%BB%95-%C4%90%C3%B4ng/T%C3%B4ng-tin-c%E1%BB%95-%C4%91%C3%B4ng/ItemID/420/View/Details.aspx>>.
6. Hải Vân (2011), Vụ xả thải ra sông Trà Khúc: dân dài cổ chờ bồi thường,
7. <<http://kinhtenongthon.com.vn/Story//2011/3/27653.html>>.
8. http://www.vacpa.org.vn/index.php?o=modules&n=news&f=news_detail&idnews=2550&idtype=109